

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-PT
Ngày: 22-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu
Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh
Ông Phạm Tiên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 139/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lê Mạnh C. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Mạnh C**, sinh năm 1985 tại Tây Ninh. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 6, xã T (nay là tổ 3 khu phố 6, thị trấn T), huyện H, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lê Mạnh H, sinh năm 1953 (Đã chết) và bà Ngô Thị D, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 (Đã ly hôn) và 01 con tên Lê Mạnh D, sinh năm 2007.

Tiền án: 01.

Tại Bản án số 24/2017/HSST Ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/5/2018, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 02.

Tại Quyết định số 221/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2018 của Công an huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” đã chấp hành đóng tiền phạt xong ngày 15/01/2019;

Tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước Áp dụng biện pháp giáo dục tại

thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 16/4/2019.

Về nhân thân:

Ngày 25/3/2009 Công an huyện H, tỉnh Bình Phước ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự về hành vi “Cố ý gây thương tích” do bị hại rút yêu cầu khởi tố.

Ngày 18/11/2016, C bị Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 25/11/2016, C đã đóng phạt xong.

Ngày 15/12/2016 bị Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 30/12/2016, C đã đóng phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 20/6/2020 thì bị tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh C: Ông Hồ Phương B – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: QL 14, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng có liên quan đến kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C nên được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa:

- *Các bị cáo:*

1/ Điều M (tên gọi khác L), sinh năm 1994, tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không (có mặt)

2/ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Ấp T1, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1992; Trú tại: Ấp L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 6, ấp V, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

4/ Anh Hồ D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước

5/ Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 2003 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S2, xã H, huyện H, tỉnh Bình Phước

6/ Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Mạnh C sau khi chấp hành xong án phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy về địa phương, C tiếp tục sử dụng chất ma túy nên tháng 01/2019 C bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T áp dụng biện pháp giáo dục tại địa phương trong thời hạn 3 tháng. Khoảng đầu tháng 12/2019, C đến nhà Hồ D tại tổ 8, ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước để ở và thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian này có Nguyễn Ngọc T, Điều M thường đến chơi với C, tại đây C cho T, M hút ma túy cùng nhưng không lấy tiền, đòi lại M và T phải đi bán ma túy giúp C. Quá trình mua bán ma túy, C đều sử dụng số điện thoại di động 0965982242 (BL 53) để liên lạc bán ma túy cho người mua. Sau khi thỏa thuận số tiền, địa điểm thì C trực tiếp đi giao hoặc đưa ma túy cho Nguyễn Ngọc T, Điều M đi bán (BL 439-440, 443-444), cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/12/2019, C dùng số điện thoại 0965982242 gọi cho Nguyễn Quang T hỏi mua trái cây, sau đó C hỏi T “dạo này có chơi bởi gì không”, T hiểu là C hỏi có sử dụng ma túy không, T nói “có”, sau đó T hỏi C mua 300.000 đồng ma túy để sử dụng, C đồng ý và nói T đi đến khu vực ngã ba giao nhau giữa đường 72m (Quốc lộ 14C) với đường đất đi vào cầu Móng thuộc ấp 5, xã Đ, huyện H gặp C để lấy ma túy. Sau đó, T đi một mình đến điểm hẹn gọi điện lại cho C, C nói T đứng chờ sẽ có người ra chỉ đường. Lúc này C nói với Điều M ra chỉ đường thì M đi xe mô tô từ trong đường đất ra khu vực ngã ba T đang đứng và ra hiệu cho T đi thẳng vào trong đường đất gặp C. Hiểu ý nên T đi xe vào trong khoảng 100 mét thì thấy C đang ngồi trên xe mô tô (không rõ biển số) bên lề đường. Tại đây, T đưa cho C số tiền 300.000 đồng, C nhận tiền chỉ cho T lấy một gói ma túy C đã bỏ sẵn trong vỏ gói thuốc lá hiệu Hero để dưới lề đường. Sau khi mua được ma túy T mang về sử dụng hết (BL 81-82, 83-86, 449).

Lần 2: Khoảng 20 giờ ngày 17/12/2019, T gọi điện thoại cho C hỏi mua 300.000 đồng ma túy, C đồng ý bán và nói T đi đến khu vực đường đất gần cầu Móng (gần nhà Hồ D) gặp C để lấy ma túy. T điều khiển xe mô tô đi một mình đến điểm hẹn, khi gần đến nơi T gọi điện thoại cho C thì C nói có Điều M mang ma túy ra bán cho T. Nói xong, C đưa cho Điều M một gói ma túy nói mang ra bán cho T, M nhận gói ma túy rồi đi bộ ra nơi T đứng (cách nhà D khoảng 100m) đưa cho T. Tuy nhiên do không đủ tiền nên T chỉ đưa cho M 280.000 đồng, M cầm tiền về đưa lại cho C (BL 57, 81-82, 83-86; 439-440).

Lần 3: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 18/12/2019, Nguyễn Quang T gọi điện thoại hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì C đồng ý rồi nói T đi đến khu vực cầu Móng gặp C. Sau đó, T đi một mình đến cầu Móng gọi điện thoại cho C, C nói T quay lại một đoạn sẽ có người mang ma túy ra giao. T điều khiển xe mô tô quay lại khoảng 100 mét thì thấy Nguyễn Ngọc T đang điều khiển xe mô tô đi đến chỗ T, biết Nguyễn Ngọc T là người mang ma túy ra bán (do Nguyễn Quang T từng gặp Nguyễn Ngọc T tại nhà C) nên Nguyễn Quang T dừng xe lại đưa cho Nguyễn Ngọc T số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Ngọc T đưa cho Nguyễn Quang T một gói ma túy rồi mang tiền về đưa lại cho C (BL 447-448; 208, 209-210).

Lần 4: Khoảng 13 giờ ngày 19/12/2019, Nguyễn Quốc V nhà ở ấp V, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước gọi điện thoại cho C hỏi mua 500.000 đồng ma túy, C đồng ý bán và hẹn V đến khu vực đường 72m thuộc ấp 5, xã Đ, huyện H để

nhận ma túy, đồng thời nhờ V mua giúp 05 hộp com. Lúc này, Nguyễn Ngọc T đang ở cùng với C tại nhà Hồ D nên C lấy 01 gói ma túy đưa cho T nói đem ra khu vực đường 72m bán cho V lấy số tiền 300.000 đồng và 05 hộp com. T cầm gói ma túy rồi điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 93B1-034.67 đi đến gặp V đang đứng chờ ở ven đường. V đưa cho T số tiền 300.000 đồng cùng 05 hộp com, T đưa lại cho V 01 gói ma túy. Sau đó, T đi về đưa số tiền 300.000 đồng cho C rồi ăn com hộp cùng với C, Lê Thị Kim H, Nguyễn Thị Mỹ N và Điều M (BL 267-269, 271-274, 285, 287-288, 445-446, 447-448, 453, 454-455).

Lần 5: Chiều ngày 19/12/2019, V tiếp tục gọi điện thoại cho C hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì C đồng ý bán rồi nói V vào khu vực đường 72m thuộc xã Đ để nhận ma túy. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, V một mình đi xe mô tô vào xã Đ và gọi điện thoại cho C thì C nói V đứng chờ tại khu vực ngã ba giao nhau giữa đường 72m và đường đất đi vào nhà Hồ D. Sau đó, C đưa cho Điều M một gói ma túy nói cầm chạy ra bán cho V. M cầm gói ma túy rồi mượn xe mô tô biển số 52V2 – 6381 của ông Nguyễn Khắc H (vừa đi đến nhà D chơi) điều khiển đi đến nơi V đứng chờ. Khi ra đến khu vực ngã ba tiếp giáp với đường 72m, M nhìn thấy V đang đứng ở lề đường nhựa 72m nên dừng xe lại định đưa gói ma túy cho V thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra cả M và V. Quá trình kiểm tra lực lượng Công an phát hiện thu giữ trong túi quần dài phía trước, bên trái M đang mặc có một gói ma túy và trong túi áo ngực phía trước V đang mặc có số tiền 500.000 đồng. Sau đó, tiến hành kiểm tra tại nhà Hồ D thì Lê Mạnh C đã bỏ trốn (BL 22-23, 56, 60-61, 64-65, 73-74, 75-76, 287-288, 439-440).

Đến 09 giờ sáng ngày 20/12/2019, khi Nguyễn Ngọc T đang điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 93B1-034.67 đi ngang qua Ủy ban nhân xã Đ, huyện H thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện T cất giấu một gói ma túy trong ví da màu đen nhãn hiệu VERSACE của T để trong túi quần sau bên phải đang mặc. Nguồn ma túy T xác định do C cho T tại khu vực đường 72m thuộc xã Đ vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 20/12/2019. T cất giấu gói ma túy trên người để bán lấy tiền lời (BL 236-237, 227-228, 265-266).

Kết luận giám định số: 262/2019/GĐ-MT ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong gói nylon (ký hiệu M) thu giữ của Điều M ngày 19/12/2019, được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,2381 gam (BL 41).

Kết luận giám định số: 263/2019/GĐ-MT ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong gói nylon (ký hiệu M) thu giữ của Nguyễn Ngọc T ngày 20/12/2019 được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1862 gam (BL 255).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/6/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020 bị cáo Lê Mạnh C có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo C:

Đây là vụ án mà việc khởi tố, truy tố và xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và những người chứng kiến. Bị cáo T là bị cáo trong vụ án này, tâm lý ban đầu khi bị bắt sẽ đổ tội cho người khác, bị cáo lại là người nghiện ma túy nên lời khai thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố từ bên ngoài nên chưa hẳn là trung thực; lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra không có chứng cứ vật chất khác để kiểm chứng.

Bản án cấp sơ thẩm quy kết hành vi phạm tội của bị cáo C là 05 lần, đơn cử lần thứ nhất vào khoảng 19 giờ ngày 16/12/2019 chỉ dựa vào chứng cứ duy nhất là lời khai của Nguyễn Quang T để buộc tội bị cáo C. T còn khai khi đến nhà D thì gặp một người (sau này biết là M) và M chỉ vào bên trong để gặp C nhưng lời khai ban đầu của M tại Cơ quan điều tra thì ngày 17/12/2019 M mới đến nhà D nên lời khai của T không có căn cứ chứng minh. Cơ quan điều tra cũng không chứng minh được cuộc gọi giữa T và C là để mua ma túy hay mua trái cây, C cho rằng có gọi điện cho T để mua trái cây, T đúng là người bán trái cây và thừa nhận rằng từ trước đến nay C cũng thường xuyên gọi điện cho T để mua trái cây, đây là sự thật. Vậy căn cứ nào để cho rằng cuộc gọi ngày 16/12/2019 là để mua ma túy? Căn cứ nào để cho rằng ngày 16/12/2019 C đã giao ma túy cho T và nhận về 300.000 đồng như T đã khai? T còn khai rằng không nhận ma túy trực tiếp của C mà bỏ vào gói thuốc lá bên đường nên không có căn cứ để chứng minh. T cho rằng mua ma túy của C thì mua ma túy loại gì? Trọng lượng, hàm lượng ra sao? Số tiền 300.000 đồng C nhận từ T ở đâu? Đối với các vụ án ma túy đều không thể dùng lời khai của con nghiện để buộc tội người bán trừ khi bắt quả tang vì không có căn cứ để kiểm chứng.

Tương tự như T, V cũng cho rằng gọi điện thoại để mua ma túy của C nhưng cũng không có căn cứ để chứng minh, không có cuộc gọi ghi âm nào. C cho rằng có gọi cho V và V có gọi cho C nhưng để giao dịch việc khác. Vậy tại sao lời khai của V là đúng còn lời khai của C lại sai? Cấp sơ thẩm chỉ buộc tội bị cáo bằng niềm tin, cho rằng bị cáo đã từng bị xử lý hành chính, hình sự liên quan đến ma túy còn chứng cứ vật chất thì hầu như không có. Vì vậy chưa đủ căn cứ pháp lý để buộc tội bị cáo C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, tuyên bị cáo C vô tội.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C thừa nhận có đến nhà Hồ D ở từ ngày 16 đến ngày 19/12/2019, có mua 500.000 đồng ma túy về cho N, H, T, M và D cùng sử dụng vào tối ngày 17 và 18/12/2019, đồng thời thừa nhận vào ngày 19/12/2019 có nhờ Nguyễn Quốc V mua 05 hộp cơm nhưng không thừa nhận có nhờ V mua gói thuốc lá hiệu CRAVEN.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn thiếu sót một số vấn đề như: Không có công văn yêu cầu Công ty viễn thông cung cấp số thuê bao 0389.830.901 có phải là của Nguyễn Quang T hay không? Số thuê bao 0975.457.143 có phải của Nguyễn Quốc V hay không? Số thuê bao 0971.586.634 có phải của Nguyễn Ngọc T hay không? Điện thoại thu giữ của M liên quan đến việc M và C liên lạc với nhau để bán mua túy nhưng số điện thoại của M lại xác định là của Điều C nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ nội dung này để xác định ai là người sử dụng? Biên bản lấy lời khai của Phạm Nam H khai nhận H bán xe mô tô biển số 93E1-177.32 cho C vào năm 2018 nhưng C không thừa nhận mà cho rằng mượn xe của H để cho H và N sử dụng, chiếc xe này thu giữ tại nhà D sau khi M bị bắt nhưng cơ quan điều tra không cho H và C đối chất để làm rõ vấn đề này. Thu giữ của Nguyễn Khắc H 01 xe mô tô biển số 52V2-6381 cho M mượn để đi bán ma túy nhưng khi xét xử không đưa H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm tố tụng. Biên bản đối chất ngày 08/7/2020 V khai trưa ngày 19/12/2019 có mua cho C 05 hộp cơm và 01 gói thuốc lá CRAVEN rồi đưa cho T nhưng tại phiên tòa hôm nay T và C đều không thừa nhận nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ vấn đề này. Lời khai của M, Nguyễn Ngọc T và người liên quan còn mâu thuẫn với nhau về thời gian, địa điểm nhưng trong quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa điều tra đầy đủ, không làm rõ lời khai của bị cáo và người liên quan, không cho đối chất để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Lê Mạnh C. Cáo trạng và bản án nhận định chưa thống nhất về số tiền mua ma túy giữa M và Nguyễn Quang T.

Bị cáo C kháng cáo kêu oan nhưng do cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không xem xét kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C. Đối với bị cáo T, M đã có hiệu lực pháp luật nên không đề nghị Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hủy phần bản án sơ thẩm đối với 02 bị cáo này.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tuyên hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đối với hình phạt của bị cáo Lê Mạnh C, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung; các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Mạnh C không thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C tiếp tục kêu oan

và cho rằng bị cáo không tham gia vào đường dây mua bán trái phép chất ma túy như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nhận định, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C chỉ thừa nhận có đến nhà Hồ D tại tổ 8, ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước ở từ ngày 16 đến ngày 19/12/2019, có mua 500.000 đồng ma túy về cho N, H, T, M, D cùng sử dụng vào tối ngày 17 và ngày 18/12/2019 tại nhà D và thừa nhận vào ngày 19/12/2019 có nhờ Nguyễn Quốc V mua 05 hộp cơm nhưng không thừa nhận việc mua bán trái phép chất ma túy.

Mặc dù bị cáo Lê Mạnh C không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ lời khai của các bị cáo Điều M, Nguyễn Ngọc T là đồng phạm trong vụ án và lời khai của Nguyễn Quang T và Nguyễn Quốc V là những người trực tiếp mua ma túy từ bị cáo C, bị cáo T và bị cáo M tại Cơ quan điều tra tại các bút lục số 22, 23, 56, 57, 60, 64, 73 đến 76, 81 đến 86, 208, 209, 210, 267, 268, 269, 271 đến 274, 285, 287, 288, 439, 440, 444 đến 449, 453, 454, 455, phù hợp với lời khai của các bị cáo Điều M, Nguyễn Ngọc T và lời khai của Nguyễn Quang T, Nguyễn Quốc V tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều khẳng định: Ngày 16/12/2019 bị cáo Lê Mạnh C trực tiếp bán cho Nguyễn Quang T 01 gói ma túy giá 300.000 đồng; Ngày 17/12/2019 C đưa 01 gói ma túy cho Điều M mang đi bán cho Nguyễn Quang T giá 300.000 đồng; Ngày 18/12/2019, C đưa cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy để T đi bán cho Nguyễn Quang T giá 300.000 đồng; Chiều ngày 19/12/2019 C giao cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy để Thanh đi bán cho Nguyễn Quốc V giá 500.000 đồng và chiều tối cùng ngày 19/12/2019, C giao cho Điều M 01 gói ma túy đang chuẩn bị bán cho Nguyễn Quốc V với giá 500.000 đồng thì M bị bắt quả tang. Đến sáng ngày 20/12/2019 C cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy để T bán lấy lời, sau đó T đi bán thì bị bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo Điều M và Nguyễn Ngọc T phù hợp với lời khai của Nguyễn Quang T và Nguyễn Quốc V (các bút lục từ 81 đến 86, 287 đến 290, 449) về thời gian, địa điểm và cách thức mua bán, phù hợp với Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp vật chứng thu giữ được trong vụ án, phù hợp với Kết luận giám định số: 262/2019/GĐ-MT ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước và Kết luận giám định số: 263/2019/GĐ-MT ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước về chất ma túy thu giữ được, phù hợp với kết quả tra cứu thuê bao số điện thoại 0965982242 của bị cáo C và kết quả thu thập thông tin của Chi nhánh Viettel Bình Phước - Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội thể hiện số thuê bao di động số 0965982242 trong thời gian từ ngày 16/12/2019 đến ngày 20/12/2019 đều hoạt động tại các trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ di động Viettel trên địa bàn tỉnh Bình Phước, phù hợp với số điện thoại di động số 0965982242 thu giữ được của bị cáo Lê Mạnh C. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo C cũng thừa nhận thời điểm xảy ra vụ án bị cáo có mặt tại nhà

Hồ D tại ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, có căn cứ để xác định tại thời điểm xảy ra vụ án từ ngày 16/12/2019 đến ngày 20/12/2019 bị cáo C vẫn có mặt trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Mặt khác, các bị cáo M, T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T, V đều xác định không có mâu thuẫn gì với bị cáo C, bị cáo T còn là em họ của C và bị cáo C cũng thừa nhận nội dung này nên có cơ sở để xác định lời khai của Nguyễn Ngọc T, M, Nguyễn Quang T và V trong hồ sơ vụ án là khách quan.

Do đó, có đủ căn cứ để kết luận trong thời gian từ ngày 16/12/2019 đến ngày 20/12/2019 bị cáo Lê Mạnh C đã thực hiện hành vi trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Quang T 01 lần. Đồng thời, để tránh bị bắt bị cáo C đã dùng thủ đoạn cho Nguyễn Ngọc T, Điều M sử dụng ma túy không lấy tiền rồi sai khiến T và M đi bán ma túy cho bị cáo C thu lợi bất chính, cụ thể: Ngày 17/12/2019 C đưa 01 gói ma túy cho Điều M mang đi bán cho Nguyễn Quang T giá 300.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên T chỉ đưa cho M 280.000 đồng để mang về cho C; Ngày 18/12/2019, C đưa cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy để T đi bán cho Nguyễn Quang T giá 300.000 đồng; Chiều ngày 19/12/2019, C giao cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy để T đi bán cho Nguyễn Quốc V giá 500.000 đồng và chiều cùng ngày 19/12/2019, C giao cho Điều M 01 gói ma túy đang chuẩn bị bán cho Nguyễn Quốc V với giá 500.000 đồng thì M bị bắt quả tang. Đến sáng ngày 20/12/2019 C đưa cho Nguyễn Ngọc T 01 gói ma túy sau đó T bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Lê Mạnh C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự xã hội. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 05 lần nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Mạnh C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo Cường không được chấp nhận.

[4] Trong vụ án này, bị cáo C là người giữ vai trò chính, dùng thủ đoạn cho Nguyễn Ngọc T, Điều M sử dụng ma túy không lấy tiền rồi sai khiến T và M đi bán ma túy cho bị cáo C thu lợi bất chính. Bị cáo còn là người có nhân thân rất xấu: Đã từng bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích. Ngoài ra bị cáo có 02 tiền sự chưa được xóa: bị Công an huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 221/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2018; bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 và 03 lần bị xử lý hành chính về các hành vi “Cố ý gây thương tích” và “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn

cho công tác điều tra. Điều này thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội mới trong khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo C mức án 12 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Mạnh C.

[5] Về vấn đề xử lý vật chứng liên quan đến bị cáo C và án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước cho rằng việc điều tra của cơ quan điều tra còn thiếu sót, điều tra chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đối với hình phạt của bị cáo Lê Mạnh C, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Như đã phân tích nêu trên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ chứng minh các bị cáo C, M, T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Việc hủy bản án để yêu cầu Công ty viễn thông cung cấp thông tin của các số thuê bao, đối chất giữa bị cáo C với Phạm Nam H về chiếc xe máy Exciter biển số 93E1-17732, làm rõ vào ngày 19/12/2019 C có nhờ V mua 01 gói thuốc lá hiệu CRAVEN hay không là không cần thiết vì quá trình giải quyết vụ án cũng đã chứng minh được các số thuê bao 0389.830.901, 0975.457.143 và 0971.586.634 lần lượt là do Nguyễn Quang T, V, T là chủ sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ án, số thuê bao của Điều M đứng tên Điều C cũng đã được M xác định là mượn giấy tờ của Điều C để đăng ký từ năm 2019 và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Điều M đang là người sử dụng; chiếc xe máy Exciter biển số 93E1-17732 là do C mua của H, tại phiên tòa phúc thẩm C cũng khai nhận đã trả cho H một khoản tiền để lấy xe về sử dụng nên việc C khai là chỉ mượn xe của H là không có căn cứ.

Việc không đưa Nguyễn Khắc H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tư cách tố tụng của ông Nguyễn Khắc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm không ghi tên của ông Nguyễn Khắc H vào mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót nhưng thiếu sót này không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến việc chứng minh tội phạm nên chỉ cần nhắc nhở để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về nội dung này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo C tại phiên tòa không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Mạnh C phải chịu theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Mạnh C; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Lê Mạnh C.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17; 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/6/2020.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tịch thu tiêu hủy: 06 đoạn ống nhựa hút nước giải khát màu trắng; 01 đoạn ống nhựa hút nước giải khát màu hồng; 01 đoạn ống nhựa hút nước giải khát màu tím sọc trắng; 01 đoạn ống nhựa hút nước trong suốt dài 03cm; 01 quẹt ga màu đen; 01 quẹt ga màu vàng; 01 quẹt ga bằng kim loại màu đồng; 06 đoạn ống thủy tinh trong suốt màu trắng có cùng chiều dài là 19,1cm; 10 đoạn ống thủy tinh trong suốt có cùng chiều dài là 20cm; 01 đoạn ống thủy tinh trong suốt dài 16cm; 01 đoạn ống nổ thủy tinh trong suốt phần nổ còn nguyên vẹn; 01 đoạn ống nổ thủy tinh trong suốt uốn cong hình chữ “V”, phần nổ đã vỡ; 01 đoạn ống tròn bằng kim loại cắt vát một đầu dài 6,7cm; 01 bình thủy tinh trong suốt hình hồ lô; 01 bình bằng kim loại màu đồng; 01 nắp hình trụ tròn bằng thủy tinh trong suốt, trên thân nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh trong suốt; 01 kéo cắt chỉ màu đỏ; 01 kéo bằng kim loại dài 10cm; 01 bịch nilon trong suốt hàn kín ba mặt dài 2,9cm; 01 bịch nylon trong suốt hàn kín dài 3cm; 02 bình ga màu đen bên ngoài ghi chữ LIGHTER GAS; 01 bình xịt màu xanh, nắp đen trên thân bình có chữ NATO thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Mạnh C; 01 sim điện thoại số thuê bao 965982242 thu giữ của Lê Mạnh C;

Trả lại cho chị Lê Thị Hồng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 93E1-17732 thu của bị cáo Lê Mạnh C.

Buộc bị cáo Lê Mạnh C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Mạnh C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Mạnh C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư